

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. Trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh phải chi tiết các yêu cầu kỹ thuật dưới đây tương ứng với phần công việc mà Nhà thầu đảm nhận trong liên danh. Chi tiết các tiêu chí đánh giá về kỹ thuật như sau:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Đối với các vật tư, vật liệu, thiết bị chính theo nội dung Chương V, E-HSMT	Có hợp đồng nguyên tắc đầy đủ, đảm bảo phải hợp lý, đáp ứng ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật xây dựng và các pháp luật khác có liên quan ứng với vật tư, vật liệu, thiết bị cung cấp và có tính khả thi trong quá trình thực hiện hợp đồng.	Đạt
	Không có hoặc không đầy đủ hợp đồng nguyên tắc hoặc hợp đồng nguyên tắc không đáp ứng ngành nghề kinh doanh theo quy định pháp luật đối với các loại vật tư, vật liệu chính cung cấp hoặc hợp đồng nguyên tắc không đảm bảo tính khả thi, hợp lý và đảm bảo nguồn cung cấp trong suốt quá trình thi công.	Không đạt
1.2. Tính hợp lệ của vật liệu, vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan cung cấp cho gói thầu nêu tại Chương V, E-HSMT.	a. Đối với vật liệu, vật tư: Nhà thầu phải nêu rõ vật liệu, vật tư và dịch vụ liên quan được cung cấp cho gói thầu phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, nhãn mác (nếu có), đảm bảo chất lượng theo quy định của hồ sơ thiết kế được phê duyệt. b. Đối với thiết bị: Tất cả các mục thiết bị có đề xuất đủ: ký mã hiệu/model (theo quy định của nhà sản xuất), nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ. * Nhà thầu phải cam kết: Trong quá trình thi công, lắp đặt thiết bị. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ về xuất xứ của vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch	Đạt

	vụ có thể bao gồm: Giấy phép (Giấy ủy quyền) bán hàng của nhà sản xuất/ Giấy chứng nhận quan hệ đối tác (nếu có); Cung cấp CO, CQ (trước khi thi công, lắp đặt); Catalogue/tài liệu kỹ thuật tất cả các thiết bị đúng theo ký mã hiệu/model (theo quy định của nhà sản xuất), nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ, thông số kỹ thuật, năm sản xuất mà Nhà thầu đã đề xuất trong HSDT...đồng thời cung cấp tài liệu chứng minh theo yêu cầu tại chương V của E-HSMT.	
	- Không đầy đủ, chi tiết hoặc chưa rõ ràng, thiếu sót về ký mã hiệu/model (nếu có), nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của vật liệu, vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp cho gói thầu hoặc không đảm bảo chất lượng theo quy định của hồ sơ thiết kế được phê duyệt hoặc không đáp ứng theo yêu cầu tại Chương V. - Không có cam kết theo yêu cầu.	Không đạt
1.3. Đặc tính, cấu hình, thông số kỹ thuật của thiết bị theo yêu cầu tại Chương V, E-HSMT	Nhà thầu có danh mục đầy đủ vật tư, thiết bị có đặc tính, cấu hình, thông số kỹ thuật phù hợp, đáp ứng (tương đương hoặc tốt hơn) theo yêu cầu tại chương V - Tiêu chuẩn kỹ thuật.	Đạt
	- Có 01 loại hàng hóa có đặc tính, cấu hình, thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu tại chương V- Tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc thiếu nội dung theo yêu cầu.	Không đạt
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1, 1.2, 1.3 được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
------------------	----------------

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng công trường, các hạng mục được quy định tại chương V(E-HSMT).	- Có thuyết minh và bản vẽ tổ chức mặt bằng: công trường và các hạng mục. - Đầy đủ, hợp lý, phù hợp với điều kiện hiện trạng công trình xây dựng, giải pháp kỹ thuật và tiến độ thi công.	Đạt
	- Không có đủ thuyết minh, bản vẽ tổ chức mặt bằng. - Không đủ, không hợp lý, không phù hợp với điều kiện hiện trạng công trình xây dựng, giải pháp kỹ thuật và tiến độ thi công.	Không đạt
2.2. Thuyết minh và bản vẽ sơ đồ hệ thống quản lý thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị của nhà thầu. Hệ thống quản lý thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị phải phù hợp với quy mô, tính chất của công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị bao gồm: chỉ huy trưởng công trường, các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp và thực hiện công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, quản lý khối lượng, tiến độ thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, quản lý hồ sơ thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình.	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công, phù hợp với thực tế và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công, thực tế và hiện trạng công trình xây dựng hoặc không trình bày	Không đạt
2.3. Thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho các hạng mục xây dựng (Khối điều trị nội trú – Khoa ngoại; Nhà cầu nối 6; đường giao thông nội bộ; Hệ thống thoát nước mưa; đường giao thông nội bộ) và thiết bị lắp đặt vào công trình (Hệ thống đường ống cấp khí y tế; Thiết bị điều hoà không khí; Thiết bị điện nhe):	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
+ Thuyết minh công tác tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình; + Thuyết minh giải pháp kỹ thuật công tác khảo sát hiện trạng công trình, trắc đạc cao độ - tọa độ - vị trí hiện trạng công trình; + Thuyết minh giải pháp dọn dẹp mặt bằng; + Thuyết minh giải pháp kỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn quy định hiện hành các công việc chủ yếu sau: - Công tác chuẩn bị, cung ứng vật tư; - Công tác trắc đạc, định vị; - Phần móng (nếu có); - Phần gia công, lắp dựng cốt thép, ván khuôn các hạng mục của công trình (nếu có); - Phần bê tông các hạng mục của công trình (nếu có); - Phần hoàn thiện: trát, bả, sơn, gạch ốp lát, cửa, lợp mái, Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, mạng internet, thông tin liên lạc, camera, PCCC hoàn chỉnh; - Hệ thống PCCC; - Công tác chuẩn bị, cung ứng thiết bị; - Giải pháp kỹ thuật cho công tác lắp đặt thiết bị; - Biện pháp và giải pháp thi công đảm bảo An toàn lao động, An toàn giao thông; - Biện pháp và giải pháp trong điều kiện mưa bão; - Biện pháp sửa chữa, khắc phục hư hỏng công trình lân cận trong quá trình thi công; - Biện pháp và giải pháp nghiệm thu	hiện trạng công trình xây dựng hoặc không trình bày.	

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
trong quá trình thi công, lắp đặt thiết bị theo quy định; - Hoàn thiện mặt bằng; Hướng dẫn vận hành.		
Kết luận	Các tiêu chuẩn chi tiết 2.1, 2.2, 2.3 được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Tính khả thi về công tác tổ chức thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị tất cả các hạng mục, thiết bị tại Chương V.E-HSMT.	Có biện pháp tổ chức mặt bằng thi công công trường, sơ đồ mặt bằng thi công, công tác chuẩn bị khởi công, quá trình thi công, công tác hoàn trả mặt bằng,...thi công phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với các hạng mục công trình theo nội dung tham chiếu tại chương V của E-HSMT	Đạt
	Biện pháp tổ chức thi công không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng hoặc thiếu nội dung hoặc không trình bày.	Không đạt
3.2. Các hạng mục công trình, thiết bị theo nội dung tại Chương V, HSMT.	- Có biện pháp tổ chức thi công hợp lý, đúng trình tự và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, phù hợp với giải pháp kỹ thuật quy định tại khoản 2.3 Mục 2- Giải pháp kỹ thuật nêu trên, phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với các hạng mục công trình của gói thầu đang xét.	Đạt
	- Không có biện pháp hoặc có biện pháp tổ chức thi công sơ sài, thiếu sót, không hợp lý, không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng, hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật hoặc không phù hợp với giải pháp kỹ thuật quy định tại khoản 2.3 Mục 2- Giải pháp kỹ thuật nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công: Kể từ ngày khởi công công trình đến khi nghiệm thu công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng không quá 200 ngày (<i>Thời gian thi công phải phù hợp yêu cầu nội dung Chương V,E-HSMT</i>).	- Đề xuất thời gian thi công theo ngày cho từng hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình (Hệ thống cấp khí y tế trung tâm; Thiết bị PCCC, hút khói; Thiết bị điện nhẹ; Thang máy). - Nhà thầu có tính đến điều kiện thời tiết ảnh hưởng đến tiến độ.	Đạt
	Không có đề xuất về thời gian thi công cho từng hạng mục và thiết bị công trình hoặc có nhưng thời gian thi công vượt quá tổng thời gian 200 ngày hoặc có đề xuất không tính đến điều kiện thời tiết hoặc không đảm bảo theo nội dung Chương V, E-HSMT	Không đạt
4.2. Biểu tiến độ thi công (xây dựng, lắp đặt thiết bị): a) Giữa huy động thiết bị, vật tư chính, thiết bị lắp đặt và tiến độ thi công; b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công;	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 02 nội dung a) và b).	Đạt
	Không có hoặc đề xuất không đủ 02 nội dung a) và b) hoặc không phù hợp với yêu cầu tiến độ thời gian.	Không đạt
4.3. Tính phù hợp của Biểu tiến độ thi công.	- Biểu tiến độ chi tiết cho công tác thi công của từng hạng mục công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình (Hệ thống cấp khí y tế trung tâm; Thiết bị PCCC, hút khói; Thiết bị điện nhẹ; Thang máy) hợp lý. Nhà thầu vẽ biểu đồ tiến độ thi công thể hiện việc huy động thiết bị, vật tư chính, bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ thi công Nhà thầu đề xuất.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công chi tiết cho từng hạng mục, thiết bị hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật về thời gian thi công hoặc thiếu nội dung theo nội	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	dung yêu cầu tại Chương V, E-HSMT.	
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 4.1, 4.2, 4.3 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	Không đạt
5.3. Các yếu tố cần thiết khác để đảm bảo chất lượng thiết bị: Cam kết của nhà thầu	Nhà thầu cam kết theo các tiêu chí trong Mẫu B, Bản cam kết mục V. Chương V E-HSMT	Đạt
	Không đáp ứng ≥ 01 cam kết trong Mẫu B, Bản cam kết mục V. Chương V E-HSMT	Không đạt
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 5.1, 5.2, 5.3 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng
------------------	----------------

Nội dung yêu cầu		Mức độ đáp ứng
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	- Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường của Nhà thầu phải đảm bảo hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Đặc biệt, phải có biện pháp giảm thiểu khói, bụi, tiếng ồn, vật liệu thi công rơi vãi, bao che công trình để giảm thiểu cao nhất ô nhiễm không khí và khí thải gây ảnh hưởng đến khu vực thi công - Nhà thầu có giải pháp cụ thể và cam kết khắc phục việc xử lý chất thải là lớp đất phong hóa, rễ cây, xà bần, vật liệu rơi vãi trên công trình trong quá trình thi công. <i>(Trước khi triển khai thi công nhà thầu phải cung cấp Hợp đồng với đơn vị quản lý, vận chuyển bãi đổ thải đúng theo quy định).</i>	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	tổ chức thi công.	
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết 6.1, 6.2, 6.3 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu và các yếu tố khác:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Bảo hành		
Thời gian bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng	a.Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng kể từ ngày bàn giao công trình đưa vào sử dụng đối với tất cả phần xây dựng các hạng mục công trình. b. Có đề xuất tất cả các thiết bị và thiết bị lắp đặt vào công trình có thời gian bảo hành tối thiểu 18 tháng được tính từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng. Đối với các thiết bị được bảo hành của nhà sản xuất với thời gian trên 18 tháng, nhà thầu cam kết có trách nhiệm bảo hành đúng với thời gian quy định của Nhà sản xuất. c. Có đề xuất cam kết bảo hành, bảo trì theo các nội dung tại Chương V- E.Hồ sơ mời thầu. d. Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (thiết bị đi kèm) bằng một trong các cách sau đây: - Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của Chủ đầu tư hay Đơn vị sử dụng. Hoặc: - Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	của E-HSMT.	
	Không đáp ứng nội dung trên.	Không đạt
7.2. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng hoặc tham dự thầu trước đó trong vòng 05 năm trở lại đây. Nhà thầu cam kết:	+ Nhà thầu cam kết đáp ứng không bị vi phạm theo nội dung Điều 19, Điều 20 Nghị định 214/2025/NĐ-CP. + Nhà thầu không có tên trong “Danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. + Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu. Lưu ý: - Hợp đồng không chậm tiến độ là hợp đồng được tính từ ngày ra thông báo lệnh khởi công của Chủ đầu tư đến hết tổng số ngày hoàn thành ghi trong hợp đồng và kèm theo hồ sơ chứng minh; - Hợp đồng được xem là hoàn thành có nghĩa là hoàn thành 100% khối lượng trong hợp đồng (hoặc biên bản nghiệm bàn giao công trình đưa vào sử dụng);	Đạt
	+ Nhà thầu có tên trong “Danh sách tổ chức, cá nhân vi phạm” tại hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: ít nhất 02 lần. + Không thương thảo hoặc từ chối thương thảo hợp đồng; có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện ký kết hợp đồng; + Có từ 02 Hợp đồng chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu hoặc chủ đầu tư phát hiện hợp đồng chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu. Lưu ý: - Hợp đồng chậm tiến độ là hợp đồng được tính từ ngày ra thông báo lệnh khởi công của Chủ đầu tư đến hết tổng số ngày hoàn thành ghi trong hợp đồng mà nhà thầu vẫn chưa hoàn thành công trình;	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	- Hợp đồng được xem là hoàn thành có nghĩa là hoàn thành 100% khối lượng trong hợp đồng (hoặc biên bản nghiệm bàn giao công trình đưa vào sử dụng);	
Kết luận	Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết 7.1, 7.2 đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết trở lên được xác định là không đạt.	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.